

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ VẬT TƯ Y TẾ, Y DỤNG CỤ TRÚNG THẦU
MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ, Y DỤNG CỤ NĂM 2018

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa dự thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
Lô 1: Băng										
1	1	Băng gòn hút nước	Băng y tế cao cấp Asean 1Kg	Thùng/ 12 Kg	Kg	Asean	Việt Nam	125,500	13	1,631,500
2	2	Băng gòn không hút nước	Băng không hút nước	12kg/thùng	Kg	Bảo Thạch	Việt Nam	94,500	100	9,450,000
3	3	Bộ xô lỗ tai	Gói xô lỗ tai, VT	gói/1 bộ	Bộ	Danameco	Việt Nam	3,192	18,500	59,052,000
4	4	Gòn chích tiết trùng 3 x 3 x 0,5cm □ (đóng gói 100g)	Bông 3x3 tiết trùng	100gr/gói; 50 gói/thùng	Gói 100gr	Bảo Thạch	Việt Nam	15,750	40,000	630,000,000
5	5	Gòn vắn tiết trùng fi 1,5 x 3 cm (1500 - 1700 viên/kg) gói 100 g	Bông viên fi 1,5x3 tiết trùng	100gr/gói; 60 gói/thùng	Gói 100 gr	Bảo Thạch	Việt Nam	15,750	4,500	70,875,000
6	6	Gòn vệ sinh tiết trùng fi 3 x 6 cm (600 - 650 viên/kg) gói 100g	Gòn vệ sinh	100gr/gói; 60 gói/thùng	Gói 100 gr	Bảo Thạch	Việt Nam	18,375	8,200	150,675,000
7	7	Que gòn dài 15 cm, đầu gòn lớn	Que gòn tiết trùng	2000 que/thùng	Que	Bảo Thạch	Việt Nam	459	81,000	37,179,000
8	8	Tấm bông nhựa 01 đầu gòn, dài 7cm, tiết trùng	Que tấm bông, VT	Gói/20 cây	Cây	Danameco	Việt Nam	84	450,000	37,800,000
9	9	Tampon (gạc cầu) tiết trùng đường kính 3 cm, đuôi dây dài 15 cm	Tấm bông fi 3cm	500 cây/thùng	Cái	Bảo Thạch	Việt Nam	1,050	7,500	7,875,000

10	10	Tampon (gạc cầu) tiết trùng đường kính 5cm, đuôi dây dài 15 cm	Tấm bông fi 5cm	500 cây/thùng	Cái	Bảo Thạch	Việt Nam	1,092	300,000	327,600,000
11	13	Tấm bông gỗ phết mẫu xét nghiệm tiết trùng	Que gòn xét nghiệm tiết trùng thân gỗ	Gói/100 cây	Cây	Greetmed	Trung Quốc	1,800	12,000	21,600,000
TỔNG CỘNG									11.00	1,353,737,500.00
Lô 2: Băng, gạc, vật liệu cầm máu										
12	1	Băng keo cá nhân	Urgo Durable 2cm x 6cm	Hộp 100 miếng	Miếng	Urgo	Thái Lan	450	770,000	346,500,000
13	3	Băng keo có gạc vô trùng 70x60mm	Băng keo có gạc vô trùng Curapor 70x50mm	1 miếng/gói	Miếng	Lohmann&Ra uscher	Đức	1,890	44,000	83,160,000
14	4	Băng keo cuộn co giãn 10cmx 2,5m	Urgoderm 10cm x 2.5m	Hộp 4 cuộn	Cuộn	Urgo	Thái Lan	55,900	5,300	296,270,000
15	5	Băng keo cuộn co giãn 10cmx 4,5m	Urgocrepe 10cm x 4.5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	Urgo	Thái Lan	119,500	260	31,070,000
16	6	Băng keo lụa lõi liền 2,5cmx5m	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Hộp 12 cuộn	Cuộn	Urgo	Thái Lan	16,000	30,000	480,000,000
17	7	Băng keo urgotul 15x20cm	Urgotul 15cm x 20cm	Hộp 10 miếng	Miếng	Urgo	Pháp	52,800	22	1,161,600
18	8	Băng keo vô trùng dạng trong suốt 60x70mm	Optiskin Film 53mm x 80mm	Hộp 50 miếng	Miếng	Urgo	Thái Lan	5,090	38,000	193,420,000
19	9	Dây Garose	Dây Ga rô	10 Sợi/ gói	Sợi	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1,890	2,500	4,725,000
20	10	Gạc cân quang đại (40*80cm)	Gạc PTOB 40x80cm, CQKVT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	8,547	100,000	854,700,000
21	11	Gạc cân quang nhỏ (10*40cm)	Gạc PTOB 10x40cm, CQKVT	Gói/100 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	1,449	88,000	127,512,000
22	12	Gạc cân quang trung (40*40cm)	Gạc PTOB 40x40cm, CQKVT	Gói/30 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	4,410	410,000	1,808,100,000
23	13	Gạc củ ấu không tiết trùng 6 x 6cm x 6 lớp	Gạc củ ấu sản khoa, KVT	Gói/100 cái	Cái	Danameco	Việt Nam	263	1,500,000	394,500,000
24	14	Gạc củ ấu tiết trùng 6 x 6cm x 6 lớp	Gạc củ ấu sản khoa, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	315	77,000	24,255,000
25	15	Gạc dẫn lưu 0,75x100x4	Gạc dẫn lưu 0,75x100x4, VT	Gói/1 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	840	1,200	1,008,000
26	16	Gạc hút 6 x 8cm x 4 lớp	Gạc phẫu thuật 6x8x4, KVT	Gói/200 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	239	128,000	30,592,000

27	17	Gạc hút tiết trùng 20 x 7cm x 8 lớp (gạc hậu phẫu dày)	Gạc phẫu thuật 7x20cmx8 lớp, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	756	73,000	55,188,000
28	18	Gạc hút tiết trùng 23 x 7cm x 4lớp (gạc hậu phẫu mỏng)	Gạc phẫu thuật 7x23cmx4 lớp, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	561	64,000	35,904,000
29	19	Gạc lót đốc kim tiết trùng	Gạc lót đốc kim 3x4cmx4 lớp, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	126	128,000	16,128,000
30	20	Gạc meche 10x120x8	Meche phẫu thuật 10x120cmx8 lớp, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	8,400	300	2,520,000
31	21	Gạc meche 5x120x8	Meche phẫu thuật 5x120cmx8 lớp, VT	Gói/10 miếng	Miếng	Danameco	Việt Nam	4,725	300	1,417,500
32	22	Giấy cầm máu 10x20 cm	Vật liệu cầm máu 10x20cm	5 miếng/hộp	Miếng	SIDAPHARM	Hy Lạp	387,205	1,100	425,925,500
33	23	Xốp cầm máu gelatin 70x50x10mm	Miếng cầm máu SPONGOSTAN bằng gelatin dạng bọt xốp màu trắng tiết trùng, không tan 7x5x1cm	Hộp/ 20 miếng	Miếng	Ferrosan Medical Devices A/S	Đan Mạch	139,545	100	13,954,500
TỔNG CỘNG									22.00	5,228,011,100.00

Lô 3: Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay, túi/lọ/hộp đựng

34	1	Bơm tiêm 10cc không kim	Ống tiêm 10cc, kim 23	Hộp/100 cái	Cái	Suzhou Yudu	China	798	150,000	119,700,000
35	2	Bơm tiêm 1/2 cc BCG cho sơ sinh	Bơm tiêm chủng BCG 1/2ml kim 27G x 3/8 BD	Hộp 100 cái	Cái	Becton Dickinson	Mỹ	2,415	5,000	12,075,000
36	3	Bơm tiêm 20cc không kim	Bơm tiêm MPV 20ml	Hộp 50 cái x 16h/ kiện	Cái	Công ty CP Nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	1,485	200,000	297,000,000
37	4	Bơm tiêm 50 cc không kim	Ống tiêm 50cc, kim 23 Luer slip	Hộp/25 cái	Cái	Suzhou Yudu	China	3,528	7,000	24,696,000
38	5	Bơm tiêm 50 cc không kim (sử dụng máy bơm tiêm tự động)	Syringe 50ml/cc (Bơm tiêm 50cc - sử dụng máy bơm tiêm tự động)	Gói/ 1 cái	Cái	Sungshim	Hàn Quốc	8,820	49,500	436,590,000

39	6	Bơm tiêm 10cc + kim 23	Ống tiêm 10cc, kim 23	Hộp/100 cái	Cái	Suzhou Yudu	China	861	567,000	488,187,000
40	7	Bơm tiêm 1cc + kim 25	Bơm tiêm 1cc + kim 25	Hộp 100 cái	Cái	Cửu Long	Việt Nam	575	150,000	86,250,000
41	8	Bơm tiêm 3cc + kim 23	Bơm tiêm MPV 3ml kim 23G x 1"	Hộp 100 Cái x 30h/ kiện	Cái	Công ty CP Nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	550	860,000	473,000,000
42	9	Bơm tiêm 3cc + kim 25	Bơm tiêm MPV 3ml kim 25G x 1"	Hộp 100 Cái x 30h/ kiện	Cái	Công ty CP Nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	550	30,000	16,500,000
43	10	Bơm tiêm 5ml + kim 23	Ống tiêm 5cc, kim 23	Hộp/100 cái	Cái	Suzhou Yudu	China	567	900,000	510,300,000
44	13	Kim cánh bướm 23	Kim cánh bướm 23	Hộp/100 cái	Cây	Suzhou Yudu	China	860	54,000	46,440,000
45	14	Kim cánh bướm 23, có khoá, sử dụng với tube chân không	WINGSET SLBCS 23X.75 12LUER	200 Chiếc/ thùng	Cây	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	Nhật	18,900	1,000	18,900,000
46	15	Kim chích các loại (18,20,22..)	Kim tiêm số 18; 20; 23; 25; 26	Hộp/100 cái	Cây	Suzhou Yudu	China	252	820,000	206,640,000
47	16	Dụng cụ mở đường đo huyết áp động mạch xâm lấn	Catheter động mạch quay Artline các cỡ 20G x 8cm đóng gói đầy đủ phụ kiện theo phương pháp Seldinger	1Cái/ 1 gói	Cái	Biometrix	Israel	279,300	520	145,236,000
48	17	Kim luồn tĩnh mạch các số (18,20,22)	Kim luồn tĩnh mạch Medico các số	1 cái/ gói	Cây	E-Eureka	Malaysia	6,500	20,600	133,900,000
49	18	Kim luồn tĩnh mạch 24	SURFLO I.V.Catheter	Hộp/50 cây	Cây	Terumo	Philippines	12,600	92,000	1,159,200,000
50	19	Kim luồn tĩnh mạch các số có van an toàn	VASOFIX SAFETY FEP 18G,1.75 IN.,1.3X45MMVASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MMVASOFIX SAFETY FEP 22G,1 IN.,0.9X25MM	Hộp/50 Cây	Cây	B.Braun	Malaysia	15,300	162,000	2,478,600,000

51	20	Nút dây kim luồn tĩnh mạch	Nút vận kim luồn	Hộp/250 cái	Cái	Disposafe	India	1,050	38,000	39,900,000
52	22	Kim hút mẫu tube chân không 22G x 1.5inch	NEEDLE CNV 22X1.5 MLTSMPC	1000 chiếc/ thùng	Cây	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	UK	3,500	4,000	14,000,000
53	23	Kim gây tê màng cứng và kim gây tê tủy sống	ESPOCAN COMPLETE SET (CSE SET)	Thùng/1 0 Bộ	Bộ	B.Braun	Malaysia	368,025	50	18,401,250
54	24	Kim gây tê tủy sống 20G (có lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim)	SPINOCAN G20 X 3 1/2"(88 MM)	Hộp/25 Cây	Cây	B.Braun	Nhật	21,525	11,000	236,775,000
55	25	Kim gây tê tủy sống 22G (có lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim)	SPINOCAN G22 X 3 1/2"(88 MM)	Hộp/25 Cây	Cái	B.Braun	Nhật	21,525	4,200	90,405,000
56	26	Kim gây tê tủy sống 27 (có lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim)	SPINOCAN G27 X 3 1/2"(88 MM)	Hộp/25 Cây	Cây	B.Braun	Nhật	21,525	30,000	645,750,000
57	27	Kim gây tê tủy sống 29 (có lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim)	SPINOCAN G29 X 3 1/2"(88 MM)	Hộp/25 Cây	Cây	B.Braun	Nhật	36,939	1,200	44,326,800
58	28	Kim sinh thiết gai nhau gói/10 cây	Kim sinh thiết gai nhau gói/10 cây	Cây	Cây	Vitrolife	Thụy Điển	1,442,000	900	1,297,800,000
59	29	Dây truyền dịch	Intrafix Primeline	Thùng/1 00 sợi	Sợi	B.Braun	Việt Nam	10,752	280,000	3,010,560,000
60	30	Dây truyền dịch 20 giọt, không màng lọc	Dây truyền dịch 20 giọt không màng lọc	1 Sợi/ Gói, 500 Sợi/ Thùng	Sợi	Omiga	Việt Nam	3,129	10,000	31,290,000
61	31	Dây truyền dịch 60 giọt có bộ điều chỉnh tốc độ	INTRAFIX AIR G W EXADROP 150 CM	Thùng/5 0 cái	Sợi	B.Braun	Hungary	65,468	10,000	654,680,000
62	32	Dây truyền máu	Dây truyền máu	Bịch/20 sợi	Sợi	Doowon Meditec	Korea	11,445	11,000	125,895,000
63	33	Dây nối có khoá tiết trùng, dài 30cm	Dây nối bơm tiêm điện dài 30cm	1 Sợi/ Gói, 200 Sợi/ Hộp	Sợi	Perfect	Việt Nam	3,549	2,000	7,098,000
64	34	Găng 2 ngón	Găng tay hai ngón	1000 Cái/Thùng	Cái	Minh Phát	Việt Nam	1,197	1,800,000	2,154,600,000

65	35	Bao cao su	Bao tránh thai	Hộp/200 cái	Cái	Suzhou Yudu	China	462	600,000	277,200,000
66	36	Găng tay dài sản khoa chưa tiệt trùng	Găng tay dài sản khoa chưa tiệt trùng	Hộp 50 đôi	Đôi	Nam Tín	Việt Nam	10,290	4,200	43,218,000
67	37	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng 6,5-7-7.5	Găng tay dài 275mm size S, M (găng Vglove A2)	Hộp 50	Đôi	Khải Hoàn	Việt Nam	1,436	1,900,000	2,728,400,000
68	38	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng 6,5 - 7 - 7,5	Găng tiệt trùng Vglove các số 6,5 - 7 - 7,5	Hộp 50	Đôi	Khải Hoàn	Việt Nam	2,919	610,000	1,780,590,000
69	39	Găng tay tiệt trùng không bột	Găng tay tiệt trùng không bột	HỘP / 50 CÁI	Đôi	GREATGLOVE	MALAYSIA	4,000	100,000	400,000,000
70	40	Sonde cho ăn 6 (có cân quang)	Dây cho ăn có nắp số 6	Hộp 70	Sợi	Sumbow	China	1,848	22,000	40,656,000
71	42	Sonde cho ăn số 16	Sonde cho ăn số 16	Hộp/50 sợi	Sợi	Greetmed	Trung Quốc	3,000	2,100	6,300,000
72	44	Túi ép 75mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép dẹp tiệt trùng nhiệt độ cao cỡ 75mm x 200m	8 cuộn/hộp	Cuộn	Anqing Kangmingna Packaging Co., Ltd	Trung Quốc	190,000	145	27,550,000
73	45	Túi ép 100mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép dẹp tiệt trùng nhiệt độ cao cỡ 100mm x 200m	6 cuộn/hộp	Cuộn	Anqing Kangmingna Packaging Co., Ltd	Trung Quốc	235,000	128	30,080,000
74	46	Túi ép 150mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép 150mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	06 cuộn/thùng	Cuộn	BMS	Việt Nam	350,000	399	139,650,000
75	47	Túi ép 200mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép 200mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	04 cuộn/thùng	Cuộn	BMS	Việt Nam	458,000	480	219,840,000
76	48	Túi ép 250mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép 250mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	04 cuộn/thùng	Cuộn	BMS	Việt Nam	620,000	408	252,960,000
77	49	Túi ép 300mm x 200m máy ép túi tiệt trùng	Túi ép dẹp 300mm x 200m	cuộn	Cuộn	Mediwish	Trung Quốc	816,310	72	58,774,320
78	50	Túi ép TYVEK 100mm x 70m hoặc tương đương	Túi ép Tyvek 100mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/ 6 cuộn	Cuộn	Johnson & Johnson	Pháp	1,555,070	30	46,652,100
79	51	Túi ép TYVEK 150mm x 70m hoặc tương đương	Túi ép Tyvek 150mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	Johnson & Johnson	Pháp	2,369,400	30	71,082,000
80	52	Túi ép TYVEK 200mm x 70m hoặc tương đương	Túi ép Tyvek 200mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	Johnson & Johnson	Pháp	2,836,680	20	56,733,600

81	53	Túi ép TYVEK 250mm x 70mm hoặc tương đương	Túi ép Tyvek 250mm x 70mm có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	Johnson & Johnson	Pháp	3,077,030	20	61,540,600
82	54	Túi ép TYVEK 350mm x 70mm hoặc tương đương	Túi ép Tyvek 350mm x 70mm có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/ 2 cuộn	Cuộn	Johnson & Johnson	Pháp	4,326,630	144	623,034,720
83	57	Chai nuôi cấy 25 cm2	Chai nuôi cấy 25 cm2	Gói 10 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Đan Mạch	23,000	3,000	69,000,000
84	58	Lọ chứa tinh trùng 150ml	Lọ chứa tinh trùng 150ml	350 cái/thùng	Cái	Deltalab	Tây Ban Nha	5,500	42,000	231,000,000
85	59	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng 50ml	Lọ đựng bệnh phẩm tiết trùng	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1,562	6,200	9,684,400
86	61	Cassette nhựa có nắp	Cassette nhựa có nắp	Hộp/500	Cái	Thermo Scientific	Anh	5,900	150,000	885,000,000
87	62	Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có dây treo	1 Cái/ gói	Cái	Jiangsu Zhengkang	Trung Quốc	3,969	61,000	242,109,000
88	66	Ống ly tâm 1,5ml, khóa an toàn	Ống ly tâm eppendorf 1.5mL Safe - lock	1000 cái/ Hộp	Cái	Eppendorf	Đức	1,540	1,000	1,540,000
89	67	Ống ly tâm 2ml, khóa an toàn	Ống eppendorf 2.0mL Safe -lock	1000 cái/ Hộp	Cái	Eppendorf	Đức	2,110	1,000	2,110,000
90	68	Ống mao dẫn (tube = 100 ống)	Ống mao quản tráng heparinized 75ul	100 ống/tube	Cái	Hirschman	Đức	396	53,000	20,988,000
91	69	Ống nghiệm Citrat	Ống nghiệm Citrate	2400 cái/ thùng	Cái	An Phú	Việt Nam	650	205,000	133,250,000
92	70	Ống nghiệm Citrat chân không 13x75	TUBE CIT PLH 13X75 1.8 PLBL L/BL .109	1000 ống/ thùng	Cái	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	USA	3,900	30,000	117,000,000
93	73	Ống nghiệm có nắp 12x100mm	Ống nghiệm có nắp vận đen 12x100mm 6ml	100 cái/hộp	Cái	Duran	Đức	9,460	8,000	75,680,000
94	74	Ống nghiệm Edta	Ống nghiệm EDTA K2	2400 cái/ thùng	Cái	An Phú	Việt Nam	595	400,000	238,000,000
95	75	Ống nghiệm EDTA có nút cao su	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	2,400 Cái/ Thùng	Cái	Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	1,008	380,000	383,040,000
96	76	Ống nghiệm nhựa có nắp 13x 100 mm	Ống nghiệm nhựa PS 7ml nắp trắng, không nhãn	500 Cái/ Bịch	Cái	Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	630	150,000	94,500,000
97	79	Ống nghiệm Serum	Ống nghiệm Serum	2400 cái/ thùng	Cái	An Phú	Việt Nam	630	315,000	198,450,000

98	82	Ống nghiệm thủy tinh không nắp đk 16mm cao khoảng 160 mm đáy tròn	Ống nghiệm không vành 16x160mm, thành dày có mark	100 cái/hộp	Cái	Duran	Đức	9,130	3,000	27,390,000
99	83	Tube 0,2 ml PCR	Tuýp ly tâm 0,2ml	1000 cái/gói	Cái	SSI	Mỹ	824	60,000	49,440,000
100	84	Tube 0,5ml PCR	Tuýp ly tâm 0,5ml	1000 cái/gói	Cái	SSI	Mỹ	500	10,000	5,000,000
101	86	Tube EDTA chân không 13x75	TUBE EDTA PLH 13X75 4.0 PLBL LAV	1000 ống/ thùng	Cái	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	USA	2,500	70,000	175,000,000
102	87	Tube Litium Heparin chân không 13x75	TUBE LIHEP PLH 13X75 4.0 PLBL GN	1000 ống/ thùng	Cái	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	USA	2,900	83,000	240,700,000
103	88	Tube PCR 0,2ml Strip (thanh 8 cái) có nắp	Dây 8 tuýp ly tâm 0,2ml, có nắp	120 thanh/hộp	Thanh	SSI	Mỹ	20,240	1,000	20,240,000
104	89	Lọ lưu trữ sinh phẩm (Cryotube) 1,8ml	Lọ lưu trữ sinh phẩm (Cryotube) 1,8ml	Gói 50 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Trung Quốc	9,500	2,300	21,850,000
TỔNG CỘNG									71.00	25,129,927,790.00

Lô 4: Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, catheter

105	1	Ống đặt nội khí quản bóng trái khế áp lực thấp số 7, 7.5	Đặt nội khí quản có bóng các số	Gói/ 1 cái	Cái	Canack	Canada	19,845	22,000	436,590,000
106	2	Ống đặt nội khí quản các số (không bóng chèn)	Đặt nội khí quản không bóng các số	Gói/ 1 cái	Sợi	Canack	Canada	23,100	6,000	138,600,000
107	4	Thông khí đường thở (Airway) số 3	Dụng cụ chống cắn lưỡi số 3	Hộp 50	Cái	Sumbow	China	3,675	25,000	91,875,000
108	6	Dây oxy 2 lỗ sơ sinh (đầu mềm)	Dây oxy 2 lỗ sơ sinh (đầu mềm)	Thùng 100 sợi	Sợi	Greetmed	Trung Quốc	3,990	1,300	5,187,000
109	7	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây oxy 2 nhánh người lớn , trẻ em	Thùng 100 sợi	Sợi	Greetmed	Trung Quốc	3,828	30,000	114,840,000

110	8	Ống nhựa dẻo (8mm/10mm) dài 1,5m tiết trùng 1 lớp có cục gù (dây oxy)	Dây Ôxy Ø 8 x 1m5 tiết trùng 1 lớp	Gói/ sợi	Sợi	Tương Lai	Việt Nam	7,200	2,800	20,160,000
111	9	Ống nhựa dẻo (8mm/10mm) dài 2m, tiết trùng 1 lớp có đầu col (dây hút đàm)	Dây hút đàm Ø 8 x 2m tiết trùng 1 lớp	Gói/ sợi	Sợi	Tương Lai	Việt Nam	7,200	3,800	27,360,000
112	10	Ống nhựa dẻo 10mm/12mm dài 1,7m, tiết trùng hai lớp	Dây hút dịch phẫu thuật Ø10 x 1m7 tiết trùng 2 lớp	Gói/ sợi	Sợi	Tương Lai	Việt Nam	10,400	44,000	457,600,000
113	11	Ống thông niệu quản có lỗ số 7	Ống thông niệu quản có lỗ số 7	Bao/ cái	Cái	Marflow AG	Thụy Sĩ	220,000	30	6,600,000
114	14	Sonde JJ	Sonde JJ	Bao/ sợi	Sợi	Marflow AG	Thụy Sĩ	320,000	500	160,000,000
115	15	Sonde Folley 12, 14, 16, 18	Foley Chroma 2 nhánh số 12, 14, 16, 18	Hộp 10	Sợi	Uro	Malaysia	9,639	61,000	587,979,000
116	16	Sonde Folley 20	Sonde Foley 2 nhánh Foleycath số 20	Hộp/10 sợi	Sợi	WRP Asia Pacific	Malaysia	9,450	13,500	127,575,000
117	17	Sonde nelaton 14	Sonde Nelaton 14	Gói/ sợi	Sợi	Greetmed	Trung Quốc	5,000	62,000	310,000,000
118	19	Sonde Rectal 28	Sonde rectal 28	Gói / sợi	Sợi	Greetmed	Trung Quốc	2,793	1,100	3,072,300
119	20	Sonde Rectal số 14	Sonde rectal 14	Gói / cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	2,793	250	698,250
120	22	Dây penrose	Ống penrose	1 Sợi/ Gói	Sợi	Merufa	Việt Nam	3,675	1,700	6,247,500
121	23	Karman 1 vale (sử dụng 1 lần)	Bơm điều kinh Karman	Hộp / cái	Cái	Nam Phụng	Việt Nam	46,725	7,000	327,075,000
122	27	Ống hút điều kinh 4,5,6 tiết trùng từng cái	Ống hút điều kinh tiết trùng các số 4, 5, 6	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	2,100	54,000	113,400,000
123	28	Ống hút nhót 10	Ống hút nhót 10	Gói/ 1 cái	Cái	An Phú	Việt Nam	1,985	60,000	119,100,000
124	29	Ống hút nhót 16	Sonde hút đàm nhót các số	Gói/ cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	1,600	1,200	1,920,000
125	30	Ống hút nhót 8	Ống hút nhót 8	Bao/10 cái	Cái	Minh Tâm	Việt Nam	2,079	31,000	64,449,000

126	32	Ống hút nhót số 8 có kiểm soát	Ống hút nhót số 8 có kiểm soát	Gói / cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	1,470	20,000	29,400,000
127	34	Bộ dây thở silicone sơ sinh	Bộ dây thở silicon trẻ em dùng nhiều lần	Bộ/Hộp	Bộ	Galemed	Đài Loan	3,780,000	5	18,900,000
128	35	Bộ dây thở với dây nhiệt cho máy giúp thở sơ sinh cao tần Carefusion	Bộ dây thở với dây nhiệt 51	Bịch	Bộ	CareFusion	Mỹ	4,950,000	24	118,800,000
129	36	Dây thở silicone người lớn	Dây thở silicone người lớn, dùng nhiều lần Cấu hình: 1 đoạn dài 130 cm, đầu nối 10F(Silcon tube smoothbore 10mm 130cm)	Túi/ Sợi	Sợi	GGM	Đài Loan	1,320,000	15	19,800,000
130	37	Chia 3 (Troivois) có dây 25 cm	Dây 3 chia 25cm	Hộp 50 cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	4,180	70,000	292,600,000
131	38	Chia 3 (Troivois) không dây cho sơ sinh	Khóa 3 ngã	Hộp/50 cái	Cái	Disposafe	India	2,835	7,000	19,845,000
132	41	Dây nối máy bơm tiêm 140 cm	Bộ dây nối dài tiêm tĩnh mạch 140cm	1 Cái/ gói	Sợi	Perfect	Việt Nam	5,964	69,000	411,516,000
133	42	Bộ lọc khí tương thích máy giúp thở sơ sinh cao tần Carefusion	Bộ lọc khí vào AIR/O2	Bịch	Bộ	CareFusion	Mỹ	499,000	16	7,984,000
134	43	Màng Rung + Bẫy nước tương thích máy giúp thở sơ sinh cao tần Carefusion	Màng rung+Bẫy nước	Bịch	Bộ	CareFusion	Mỹ	3,700,000	24	88,800,000
135	44	Nắp chụp/màng của các van tương thích máy giúp thở sơ sinh cao tần Carefusion	Nắp chụp/màng của các van	Bịch	Bộ	CareFusion	Mỹ	1,550,000	100	155,000,000
136	45	Tube Connecting Assembly tương thích máy giúp thở sơ sinh cao tần Carefusion	Tube, Connecting Assembly (blue, green, red)	Bịch	Bộ	CareFusion	Mỹ	800,000	10	8,000,000
137	46	Catheter tĩnh mạch rốn 4,5,6	Catheter tĩnh mạch rốn 4,5,6	15 dây/hộp	Dây	Vygon/EC	EC	94,500	3,200	302,400,000

TỔNG CỘNG **33.00** **4,593,373,050.00**

Lô 5: Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật

138	1	Kim khâu 9 x 24 các loại	Kim khâu 9 x 24 các loại	Gói 10 cây	Cây	Ningbo Medical	Trung Quốc	998	8,000	7,984,000
-----	---	--------------------------	--------------------------	------------	-----	----------------	------------	-----	-------	-----------

139	2	Chỉ tiêu chậm tổng hợp đơn sợi poly-4-hydroxy butyrate-Loop 1, chỉ dài 150mm, kim tròn nhỏ silicon 42mm	MONOMAX VIOLET 1, 150CM HRT43s Loop	Hộp/24 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	214,326	100	21,432,600
140	3	Chỉ silk số 2/0 dài 40-80cm, không kim	Chi Caresilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	H / 24 tép/12 sợi	Sợi	CPT	VN	1,470	36	52,920
141	4	Chỉ silk số 2/0 dài 40-80cm, kim tròn 25mm 1/2c	Chi Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 26 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	16,800	36	604,800
142	5	Chỉ silk số 3/0 dài 40-80cm, không kim	Chi Caresilk (Silk) số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	H / 24 tép/12 sợi	Sợi	CPT	VN	1,470	3,600	5,292,000
143	6	Chỉ silk số 3/0 dài 40-80cm, kim tròn 20mm 1/2c	Chi Caresilk (Silk) số 3/0, dài 75cm, kim tròn dài 20 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	15,750	3,600	56,700,000
144	8	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi polyester số 0 có lớp áo bao silicon, chỉ dài 45cm, không kim	Chi Protibond (Polyester) số 0, không kim, 10 sợi x 45 cm	H / 24 tép/10 sợi	Sợi	CPT	VN	3,990	10,000	39,900,000
145	9	Chỉ nylon 3/0 dài 70-100cm, kim tam giác 24-26mm	Chi Carelon (Nylon) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác dài 24-26 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	12,600	60,000	756,000,000
146	10	Chỉ nylon 4/0 dài 70-100cm, kim tam giác 3/8c 18mm	Chi Carelon (Nylon) số 4/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	15,750	750	11,812,500
147	11	Chỉ nylon 5/0 dài 70-100cm, kim tam giác 3/8c 16mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Sterilon (Nylon) 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Peters Surgical India	Ấn Độ	15,600	100	1,560,000
148	12	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 0 dài 70-100cm, kim tròn 26-30mm	Chi Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, dài 75cm, kim tròn dài 26-30 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	29,400	2,500	73,500,000
149	13	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 1 dài 70-100cm, kim tròn 40 mm	Catgut Chrom USP 1, dài 75cm, kim RH 40mm	Hộp/12 sợi	Sợi	Vigilenz	Malaysia	20,000	25,000	500,000,000
150	14	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 26-30mm	Chi Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 26-30 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	27,300	72,000	1,965,600,000
151	15	Chỉ tiêu sinh học: Catgut chromic số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 50mm 1/2c	Chi Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	29,400	1,000	29,400,000
152	16	Chỉ tiêu sinh học: Catgut plain số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 30-40mm	Chi Trustigut (N) (Plain Catgut) số 2/0, dài 75cm, kim tròn dài 36 mm	H / 24 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	27,300	43,000	1,173,900,000

153	17	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 0 Polyglycolic acid có lớp bao phủ, chỉ dài 90cm, kim tròn	Chỉ tiêu PegesORB tổng hợp đa sợi số 0 Polyglycolic acid có lớp bao phủ, chỉ dài 90cm, kim tròn	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Dogsan	Thổ Nhĩ Kỳ	57,015	45,000	2,565,675,000
154	18	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 25mm-26mm	SAFIL VIOLET 2/0, 70CM HR26	Hộp/36 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	50,211	320	16,067,520
155	19	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 Polyglycolic acid có lớp bao phủ, chỉ dài 70-100cm, kim tròn	SAFIL VIOLET 4/0, 70CM HR22	Hộp/36 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	59,556	250	14,889,000
156	20	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 35-40mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Trusynth Fast số 2/0, dài 90cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 37mm	12 tép/ hộp	Sợi	HEALTHIU M MEDTECH	Ấn Độ	40,500	22,000	891,000,000
157	21	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 3/0 dài 70-100cm, kim tam giác 22-26mm	Chỉ Caresorb Rapid (Polyglactin 910) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác thuận dài 22 mm	H / 36 tép/sợi	Sợi	CPT	VN	65,100	2,400	156,240,000
158	22	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0 dài 70-100cm, kim tròn 22-26mm	MONOSYN VIOLET 2/0, 70CM HR26	Hộp/36 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	80,010	72	5,760,720
159	24	Dao mổ các loại 10,11,12	Dao mổ các loại 10,11,12	Hộp/100	Cái	Ribbel	Ấn Độ	756	65,000	49,140,000
160	25	Dây cắt đốt đơn cực dùng 1 lần tương thích máy EXCELL và AESCULAP	Tay dao 2 nút bấm, dây dài 3m, đầu gắn 3 châu, tiết , sử dụng 1 lần (kèm đầu dao hình kiếm)	1 cái/hộp	Dây	MSB	Trung Quốc	44,100	12,000	529,200,000
161	26	Điện cực hình cầu, đường kính 3mm, dài 110 mm	Đầu điện cực hình đường kính 3mm, thẳng, dài 110mm	5 cái/hộp	Cái	Erbe	Đức	378,000	5	1,890,000
162	27	Kẹp hàn mạch máu BiClamp hoặc tương đương	Kẹp hàn mạch máu BiClamp 200C, tip cong 18 độ	1 cái/hộp	Cái	Erbe	Đức	30,261,000	5	151,305,000
163	28	Loop cắt CTC size 10x15mm	Đầu điện cực vòng đường kính 10mm, dài 130mm, tiết trùng, sử dụng 1 lần	1 cái/bịch	Cái	Erbe	Đức	234,150	60	14,049,000
164	29	Loop cắt CTC size 15x15mm	Đầu điện cực vòng đường kính 15mm, dài 135mm, tiết trùng, sử dụng 1 lần	1 cái/bịch	Cái	Erbe	Đức	234,150	80	18,732,000
165	30	Loop cắt CTC size 20x15mm	Đầu điện cực vòng đường kính 20mm , dài 140mm, tiết trùng, sử dụng 1 lần	1 cái/bịch	Cái	Erbe	Đức	234,150	80	18,732,000
166	31	Lưỡi dao cắt lọc bệnh phẩm	Lưỡi dao cắt lọc bệnh phẩm	hộp 50 cái	Cái	Feather - Nhật	Nhật Bản	66,000	600	39,600,000
167	32	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35	Lưỡi dao cắt tiêu bản MX35 Ultra	Hộp/50 cái	Cái	Thermo Scientific	Nhật	72,820	3,000	218,460,000

168	33	Tấm điện cực dán (máy cắt đốt dùng 1 lần)	Tấm điện cực dán (máy cắt đốt dùng 1 lần)	1 cái/gói	Cái	Tyrolmed	Áo	21,000	1,200	25,200,000
TỔNG CỘNG									31.00	9,359,679,060.00
Lô 6: Vật liệu cấy ghép										
169	1	Mảnh ghép 15x15cm	Lưới điều trị thoát vị PROLENE soft mesh 15x15cm	Hộp/ 6 miếng	Miếng	Ethicon, LLC	Mỹ	1,852,410	180	333,433,800
170	2	Mảnh ghép TOT (Surgimesh Sling)	Surgimesh Sling	01 hộp/1 miếng	Miếng	Aspide	Pháp	5,200,000	24	124,800,000
171	3	Lưới điều trị tiểu không kiểm soát 2 nhánh (Surgimesh Prolapse)	Surgimesh Prolapse	01 hộp/1 miếng	Miếng	Aspide	Pháp	9,150,000	48	439,200,000
172	4	Lưới điều trị tiểu không kiểm soát 4 nhánh (Surgimesh Prolapse)	Surgimesh Prolapse	01 hộp/1 miếng	Miếng	Aspide	Pháp	9,150,000	48	439,200,000
TỔNG CỘNG									4.00	1,336,633,800.00
Lô 7: Giấy										
173	2	Áo phẫu thuật 150 cm x 125cm	Áo phẫu thuật SMMS size M	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	27,300	700	19,110,000
174	3	Bàn chải phẫu thuật	Bàn chải phẫu thuật	Hộp 10 cái	Cái	Great Mountain	Trung Quốc	26,250	1,300	34,125,000
175	5	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có kèm túi dịch 270 độ và màng phẫu thuật toàn bộ phẫu trường	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có kèm túi dịch 270 độ và màng phẫu thuật toàn bộ phẫu trường	6 bộ/thùng	Bộ	JAPAN MEDICAL-Medipro (Malaysia) SDN.BHD-Mediprotek	Việt Nam	586,000	25,000	14,650,000,000
176	6	Bộ toan sanh thường	Bộ khăn sanh thường	20 bộ/hộp	Bộ	Viên Phát	Việt Nam	190,000	17,000	3,230,000,000
177	7	Bộ khăn phẫu thuật nội soi có áo phẫu thuật và gạc cân quang	Bộ khăn phẫu thuật nội soi có bộ gạc và 3 áo phẫu thuật	1 Bộ/ gói	Bộ	Thời Thanh Bình	Việt Nam	315,000	6,000	1,890,000,000
178	8	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa ổ bụng có áo phẫu thuật và gạc cân quang	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa ổ bụng A với 3 bó gạc và 3 áo phẫu thuật basic	05 bộ/hộp	Bộ	Viên Phát	Việt Nam	500,000	3,000	1,500,000,000
179	9	Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa	Bộ khăn tiểu phẫu phụ khoa	1 Bộ/ gói	Bộ	Thời Thanh Bình	Việt Nam	86,100	1,000	86,100,000
180	10	Giấy điện tim 3 kênh 80mm*20m	Giấy in điện tim 80mm*20m	Cuộn	Cuộn	Telepaper - Sonomed	Malaysia	23,540	220	5,178,800
181	12	Giấy giấy	Bao giấy phẫu thuật	1 Đôi/ gói	Đôi	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1,470	4,200	6,174,000

182	13	Giấy gói dụng cụ nội soi 90cm*90cm	Bao gói dụng cụ tiết trùng 90cm x 90cm	50 Tờ/ gói	Tờ	Thời Thanh Bình	Việt Nam	7,350	2,400	17,640,000
183	14	Giấy in máy điện tim 110mm*140mm*142tờ	Giấy in máy điện tim (110mm *140mm*142 tờ)	Thùng 60 xấp	Xấp	Telepaper	Malaysia	25,850	600	15,510,000
184	15	Giấy in máy điện tim 3 kênh 63mm*30m	Giấy in máy điện tim 3 kênh 63mm x 30m	Thùng 100 cuộn	Cuộn	Telepaper	Malaysia	14,828	2,000	29,656,000
185	16	Giấy in máy siêu âm UPP 110S 110mm*20m	Giấy in siêu âm UPP 110S	50 cuộn/ thùng	Cuộn	Tele - paper (M) SDN.BHD	Malaysia	120,500	6,700	807,350,000
186	17	Giấy in monitor HUNTLEIGH đơn thai 152mm*150mm	Giấy monitor sản khoa BD 3000/4000	40 xấp/ thùng	Xấp	Tele - paper (M) SDN.BHD	Malaysia	70,000	200	14,000,000
187	18	Giấy in monitor HUNTLEIGH song thai 210mm*150mm	Giấy monitor sản khoa BD 4002	40 xấp/ thùng	Xấp	Tele- paper (M) SDN.BHD	Malaysia	117,700	50	5,885,000
188	19	Giấy in monitor sản COROMETRIC 152mm*90mm	Giấy in monitor sản COROMETRIC BAO4305 / DAO 4305 152mm * 90mm * 150	Gói / xấp	Xấp	Telepaper	Malaysia	28,930	3,000	86,790,000
189	20	Giấy in monitor sản HP 150mm*100m	Giấy monitor sản khoa HP	78 xấp/ thùng	Xấp	Tele - paper (M) SDN.BHD	Malaysia	29,800	10,000	298,000,000
190	21	Giấy in monitor sản TOITU 152mm*150mm	Giấy in monitor sản TOITU 152 mm * 150mm * 200sh	Gói / xấp	Xấp	Telepaper	Malaysia	74,250	1,500	111,375,000
191	24	Giấy thấm lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc sơ sinh	Giấy thấm lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc sơ sinh	100 tờ/pack	Tờ	EBF	Mỹ	14,300	140,000	2,002,000,000
192	25	Khăn trải có lỗ	Khăn tiểu phẫu 30x30cm có lỗ Ø 5cm	100 Cái/Thùng	Cái	NTI VINA	VIỆT NAM	1,460	3,500	5,110,000
193	26	Khẩu trang 3 lớp tiết trùng, dây buộc	Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp dây cột 4U Med	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	798	230,000	183,540,000
194	27	Khẩu trang 3 lớp tiết trùng, dây thun	Khẩu trang 3 lớp tiết trùng , dây thun	HỘP / 50 CÁI	Cái	AN PHÚ	VIỆT NAM	336	350,000	117,600,000

195	28	Nón giấy tiết trùng	Mũ phẫu thuật nam nữ tiết trùng	1 Cái/ Gói	Cái	Damedco	Việt Nam	672	230,000	154,560,000
196	29	Quần giấy	Quần phẫu thuật	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	8,400	650	5,460,000
TỔNG CỘNG									24.00	25,275,163,800.00
Lô 8: Vật tư sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác										
197	4	Bộ dây hút dịch phẫu thuật nội soi 8mm x 2,,5m, tiết trùng	Bộ dây bơm hút phẫu thuật nội soi	Bộ/ 3 sợi	Bộ/3 sợi	Tương Lai	Việt Nam	32,000	13,000	416,000,000
198	5	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	PERIFIX ONE 421COMPLETE SET	Thùng/1 0 Bộ	Bộ	B.Braun	Đức	274,470	5,000	1,372,350,000
199	6	Bộ kit đo huyết áp động mạch xâm lấn (sử dụng tương thích monitor Philip và Datex Ohmeda B400)	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường AB-0023	1Bộ/1 Gói	Bộ	Biometrix	Israel	272,790	200	54,558,000
200	7	Cây đèn lưỡi nhựa	Que đèn lưỡi nhựa sơ sinh	1 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	672	72,000	48,384,000
201	8	Dụng cụ giữ kim sử dụng tube chân không	HOLDER STANDARD YELLOW BULK CE	1000 chiếc/ thùng	Cái	Becton Dickinson Holdings Pte Ltd	UK	3,000	2,000	6,000,000
202	9	Đầu cone có phin lọc 1000 mcl	Đầu hút dung dịch 1000ul có lọc, tiết trùng	96 cái/hộp	Cái	SSI	Mỹ	1,300	24,000	31,200,000
203	10	Đầu cone có phin lọc 100mcl	Đầu hút dung dịch 100ul có lọc, tiết trùng	96 cái/hộp	Cái	SSI	Mỹ	1,331	15,000	19,965,000
204	11	Đầu cone có phin lọc loại 10mcl	Đầu hút dung dịch 10ul có lọc, tiết trùng	96 cái/hộp	Cái	SSI	Mỹ	1,331	26,000	34,606,000
205	13	Đầu cone vàng 10-100mcl	Đầu cone vàng	1000 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	63	500,000	31,500,000
206	14	Đầu cone xanh 200-1000mcl	Pipette Tips 200-1000 mcl (Đầu có xanh)	Bịch 500 cái	Cái	Ningbo	Trung Quốc	80	45,000	3,600,000
207	15	Đầu tip 2-200mcl, có filter lọc, tiết trùng	200µL ZAP™Slik™ Tip	96 cái/Hộp	Cái	Labcon	Mỹ	1,470	2,000	2,940,000

208	17	Đầu tip 5-20mcl, có filter lọc, tiết trùng	20µL ZAP™Slik™ Tip	96 cái/Hộp	Cái	Labcon	Mỹ	1,380	1,000	1,380,000
209	18	Đầu tip Eppendorf 2-200mcl	Đầu tip Eppendorf 2-200ul, không màu	1000 cái/ Hộp	Cái	Eppendorf	Đức	1,230	1,000	1,230,000
210	19	Đầu tip Eppendorf 50-1000mcl	Đầu tip Eppendorf 50-1000ul	1000 cái/ Hộp	Cái	Eppendorf	Đức	1,230	1,000	1,230,000
211	21	Mask oxy nồng độ cao	Mask oxy nồng độ cao Flexicare người lớn / trẻ em	Hộp 50 cái	Cái	Flexicare	Anh	31,500	50	1,575,000
212	23	Mặt nạ gây mê	Mặt nạ gây mê	Gói/ cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	25,000	400	10,000,000
213	24	Mô vịt nhựa	Mô vịt MPV	Túi 1 cái/250 cái/Kiện & 120	Cái	Công ty CP Nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	2,690	3,000	8,070,000
214	25	Núm đo điện tim dán ngực	Núm đo điện tim dán ngực	50 cái/gói	Cái	Tyrolmed	Áo	1,365	172,000	234,780,000
215	27	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng NELLCOR (người lớn- loại dùng nhiều lần)	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng Nellcor(người lớn-loại dùng nhiều lần)	Gói / Cái	Cái	Med Linket	Trung Quốc	1,300,000	5	6,500,000
216	28	Sensor SpO2 tương thích với máy đo oxy bão hòa của hãng NELLCOR (sơ sinh- loại dùng nhiều lần)	Sensor SpO2 loại dùng nhiều lần cho trẻ sơ sinh	Hộp/ Cái	Cái	Medtronic/ Covidien/ Nellcor	Mexico	3,200,000	200	640,000,000
217	31	Sensor SpO2 tương thích với máy Monitor theo dõi bệnh nhân của hãng PHILIP- Model: MP20 (người lớn- loại dùng nhiều lần)	Sensor SpO2 tương thích với máy monitor theo dõi bệnh nhân của hãng PHILIP - Model MP20 (người lớn - loại dùng nhiều lần)	Cái	Cái	Teveik	Trung Quốc	1,139,600	20	22,792,000

TỔNG CỘNG **21.00** **2,948,660,000.00**

Lô 9: Ôxy, bóp bóng, huyết áp kế

218	1	Ballon cho máy gây mê	Túi trữ khí gây mê 3 lít	cái/gói	Cái	Galemed	Đài Loan	70,350	300	21,105,000
219	2	Bình làm ấm Oxy	Bình làm ấm oxy	Cái	Cái	Kaipo	Trung Quốc	83,685	10	836,850
220	3	Bóp bóng giúp thở silicon người lớn	Bóp bóng giúp thở silicon người lớn Resscu 7	Bộ/Hộp	Bộ	Galemed	Đài Loan	657,300	20	13,146,000

221	4	Bóp bóng giúp thở silicon trẻ em/ sơ sinh	Bóp bóng giúp thở silicon trẻ em/ sơ sinh Resscu	Bộ/Hộp	Bộ	Galemed	Đài Loan	699,300	70	48,951,000
222	5	Bao đo huyết áp theo máy monitor (1 dây)	Bao đo huyết áp theo máy monitor(1 dây)	Cái	Cái	Teveik	Trung Quốc	178,200	20	3,564,000
223	6	Bao đo huyết áp theo máy monitor (2 dây)	Bao đo huyết áp theo máy monitor(2 dây)	Cái	Cái	Teveik	Trung Quốc	178,200	20	3,564,000
224	7	Bao vải máy đo huyết áp bóp tay	Bao vải máy đo huyết áp bóp tay	Gói 10 cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	22,449	350	7,857,150
225	8	Máy đo huyết áp bóp tay (loại cơ- không ống nghe)	Máy đo huyết áp kể ALPK2 loại cơ không ống nghe (có kiểm định)	Hộp / cái	Cái	Tanaka	Nhật	407,400	80	32,592,000
226	10	Máy đo huyết áp nhi	Máy đo huyết áp kể nhi ALPK2 loại cơ không ống nghe (có kiểm định)	Hộp / cái	Cái	Tanaka	Nhật	409,500	1	409,500
227	11	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ ở trán	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ ở trán	Hộp/1 cây	Cây	Microlife	Trung Quốc	714,000	11	7,854,000
228	13	Ống nghe tim phổi	Ống nghe tim phổi ALPK2 loại 1 dây	Hộp / cái	Cái	Tanaka	Nhật	114,450	80	9,156,000
229	14	Quả bóp huyết áp kể	Quả bóp huyết áp kể	Gói / cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	13,650	230	3,139,500
230	15	Túi hơi máy đo huyết áp bóp tay	Túi hơi máy đo huyết áp bóp tay	Bao/1 cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	28,875	250	7,218,750
231	16	Van huyết áp kể	Van huyết áp kể	Hộp/10 cái	Cái	Greetmed	Trung Quốc	13,860	110	1,524,600

TỔNG CỘNG **14.00** **160,918,350.00**

Lô 10: XQuang

232	1	Phim khô LASER 26cm*36cm	Phim khô laser DI-HL 26x36 cm	Hộp/150 tấm	Tấm	Fujifilm	Nhật Bản	27,600	48,000	1,324,800,000
233	2	Phim khô LASER 35cm*43cm	Phim khô laser DI-HL 35x43 cm	Hộp/100 tấm	Tấm	Fujifilm	Nhật Bản	41,400	33,600	1,391,040,000
234	3	Phim khô LASER 20cm*25cm	Phim khô laser DI-HL 20x25 cm	Hộp/150 tấm	Tấm	Fujifilm	Nhật Bản	17,300	30,600	529,380,000

TỔNG CỘNG **3.00** **3,245,220,000.00**

Lô 11: Bộ đặt nội khí quản

235	4	Lưỡi đèn số 0 cấp quang	Lưỡi đèn đặt nội khí quản Miller 0	1 cái/hộp	Cái	Heine	Đức	4,620,000	10	46,200,000
236	5	Lưỡi đèn số 00 cấp quang	Lưỡi đèn đặt nội khí quản Miller 00	1 cái/hộp	Cái	Heine	Đức	5,355,000	10	53,550,000
237	6	Cán đèn cấp quang	Tay cầm tiêu chuẩn, đèn LED, dùng pin trung 2,5V	1 cái/hộp	Cái	Heine	Đức	7,245,000	6	43,470,000

TỔNG CỘNG **3.00** **143,220,000.00**

Lô 12: Vật tư sử dụng trong xét nghiệm

238	2	Bộ mao quản 4 ống 36cm tương thích với máy định lượng DNA 3130	Bộ mao quản 4 ống 36cm cho máy ABI 3130	Hộp (1 cái)	Cái	Applied Biosystem/ Life Technologies/ ThermoFisher Scientific -	Nhật Bản	36,740,000	1	36,740,000
239	3	Bộ mao quản 4 ống 50cm tương thích với máy định lượng DNA 3130	Bộ mao quản 4 ống 50cm cho máy 3130	Hộp (1 cái)	Cái	Applied Biosystem/ Life Technologies/ ThermoFisher Scientific -	Nhật Bản	36,105,000	4	144,420,000
240	4	Bộ mao quản 8 ống 50cm tương thích với hệ thống giải trình tự gen ABI3500	Bộ mao quản 8 ống 50cm cho máy ABI 3500	Hộp (1 cái)	Cái	Applied Biosystem/ Life Technologies/ ThermoFisher Scientific -	Nhật Bản	58,278,000	5	291,390,000
241	6	Chổi phết tế bào âm đạo (tiệt trùng)	Histobrush® Cytology Collection Device	1 cái/túi	Cái	Puritan	Mỹ	12,500	13,700	171,250,000
242	8	Đĩa mẫu 96 giếng tương thích với máy PCR định lượng- CFX96	Đĩa 96 giếng tương thích với máy PCR định lượng CFX96	100 cái/thùng	Cái	Corning - Axygen	Trung Quốc	148,150	100	14,815,000
243	9	Đĩa mẫu tương thích với hệ thống giải trình tự gen ABI 3130/3500	Đĩa mẫu 96 giếng	10 cái/hộp	Cái	SSI	Mỹ	82,000	200	16,400,000
244	11	Đĩa Petri nhựa 90ml	Đĩa petri 90 x 15mm	20 Cái/ gói	Cái	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1,562	16,000	24,992,000

245	13	Filtaguard (lọc khuẩn có công)	Lọc vi khuẩn có công đo CO2	Gói/ 1 cái	Cái	Health-med	Anh	16,795	28,500	478,657,500
246	16	Khay gel giữ lạnh ống 0.2ml	Giá giữ lạnh cho ống PCR (PCR-Cooler) - ống 0.2ml	2 cái/ Hộp	Cái	Eppendorf	Đức	2,350,000	8	18,800,000
247	17	Kim Lancet	Stainless Steel BloodLancets (Blood lancets)	Hộp 200 cây	Cây	Ningbo	Trung Quốc	210	110,000	23,100,000
248	18	Lame mờ	Microscope Slides (lam kính mờ)	Hộp 72 miếng	Miếng	Ningbo	Trung quốc	275	800,000	220,000,000
249	19	Lamelle dài 22 x 22mm	Lammen soi kính hiển vi Economy 22x22	200 Miếng/ Hộp	Miếng	Heinz Herenz Medizinalbedarf GmbH	Đức	385	400,000	154,000,000
250	20	Lamelle dài 22 x 40mm	Cover glass 22 x 40 mm; CE	100 cái/Hộp	Miếng	Waldermar Knittel	Đức	1,200	35,000	42,000,000
251	21	Lamelle dài 24x50mm	Cover glass 24 x 50 mm; CE	100 cái/Hộp	Miếng	Waldermar Knittel	Đức	2,000	30,000	60,000,000
252	22	Microplate 96 well sử dụng một lần	96-Well PCR Plates for ABI® Fast 7500	10 cái/Hộp	Cái	Labcon	Mỹ	90,000	4,000	360,000,000
253	23	Pipette 1 kênh 0.1-2.5 microlit	Micropipette dung tích: 0.1-2.5, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	2	13,060,000
254	24	Pipette 1 kênh 0.5-10 microlit	Micropipette dung tích: 0.5- 10 ul, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	2	13,060,000
255	25	Pipette 1 kênh 100-1000 microlit	Micropipette dung tích: 100-1000, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	5	32,650,000
256	26	Pipette 1 kênh 10-100 microlit	Micropipette dung tích: 10-100ul, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	8	52,240,000
257	27	Pipette 1 kênh 20-200 microlit	Micropipette dung tích: 20-200ul, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	3	19,590,000
258	28	Pipette 1 kênh 2-20 microlit	Micropipette dung tích: 2-20ul, kèm theo 1 hộp đầu tip	1 cái/ hộp	Cái	Eppendorf	Đức	6,530,000	3	19,590,000
259	29	Pipette nhựa (XN) 1ml	Ống hút pasteur nhựa 1ml	500 cái/hộp	Cái	Kartell	Ý	572	19,000	10,868,000

260	30	Que phết tế bào âm đạo	Que phết tế bào âm đạo Spatula	1 Cái/ gói	Cái	Lạc Việt	Việt Nam	624	75,000	46,800,000
261	34	Septa Mat tương thích với hệ thống giải trình tự gen ABI3500	Miếng dán đĩa 96 giếng tương thích với hệ thống ABI	50 cái/thùng	Cái	Corning - Axygen	Mỹ	282,420	200	56,484,000
262	35	Thẻ lưu mẫu DNA	Thẻ lưu mẫu DNA	100 tờ/hộp	Tờ	Whatman	Anh	80,300	400	32,120,000
TỔNG CỘNG									25.00	2,353,026,500.00
Lô 13: Vật tư sử dụng trong IVF										
263	1	Bơm tiêm 10cc (tiệt trùng) TTON	Bơm tiêm 10ml luer lock BD	Hộp 100 cái	Cái	Becton Dickinson	Singapore	3,780	10,000	37,800,000
264	2	Bơm tiêm 1cc tiệt trùng TTON	Bơm tiêm 1ml kim 26G x 1/2 BD	Hộp 100 cái	Cái	Becton Dickinson	Singapore	2,436	10,000	24,360,000
265	3	Cây dụng cụ chứa Cryotube	Cây dụng cụ chứa Cryotube	Cái	Cái	Vitrolife	Thụy Điển/Đức	53,280	300	15,984,000
266	4	Cassette chứa straw	Cassette chứa straw	Cái	Cái	Vitrolife	Thụy Điển/Đức	66,600	2,400	159,840,000
267	5	Catherter chuyển phôi khô, 2 nông	Frydman soft 4.5 with guide	10 cái/hộp	Cái	Laboratoire CCD	Pháp	556,718	3,000	1,670,154,000
268	7	Catheter de Frydman	Frydman Classic catheter 4.5	25 cái/hộp	Cái	Laboratoire CCD	Pháp	396,900	2,400	952,560,000
269	8	Catheter IUI (Smooze long)	Intra-Uterine Insemination Cannula #4225 Smooze Long	25 cái/ hộp	Cái	Gynetics	Bỉ	98,028	300	29,408,400
270	9	Catheter IUI (Sperm catheter)	Catheter IUI (Sperm catheter)	Cái	Cái	HopeMeditek	Ấn Độ	51,000	3,000	153,000,000
271	10	Đĩa Petri 100 ml tiệt trùng	Đĩa Petri 90ml tiệt trùng	Gói 10 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Đan Mạch	18,000	3,800	68,400,000

272	11	Đĩa Petri 60 ml tiết trùng	Đĩa Petri 60ml tiết trùng	Gói 10 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Đan Mạch	10,000	900	9,000,000
273	12	Đĩa Petri 35 mm tiết trùng	Đĩa Petri 35ml tiết trùng	Gói 10 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Đan Mạch	9,300	24,000	223,200,000
274	13	Dụng cụ chứa phôi Cryotop	Dụng cụ chứa phôi Cryotop	cái	Cái	Kitazato	Nhật	816,200	9,600	7,835,520,000
275	14	Hộp cấy 4 giếng có kiểm tra với phôi trước (tiết trùng từng cái)	Đĩa nuôi cấy 4 giếng tiết trùng từng cái, có MEA test	Gói 4 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Đan Mạch	42,000	18,000	756,000,000
276	15	Kim chọc hút trứng	Oocyte Retrieval Needle 30cm G17	10 cái/hộp	Cái	Laboratoire CCD	Pháp	298,000	4,000	1,192,000,000
277	16	Kim chọc hút trứng non	Kim chọc hút trứng non 19G	Cái	Cái	Kitazato	Nhật	2,270,000	80	181,600,000
278	17	Kim Holding (tiết trùng)	Kim Holding	Hộp 10 cái	Cái	Sunlight Medical	Mỹ	215,000	1,200	258,000,000
279	18	Kim ICSI (tiết trùng)	Kim ICSI	Hộp 10 cái	Cái	Sunlight Medical	Mỹ	355,000	1,400	497,000,000
280	19	Màng lọc Milipore 0,2 mcm (vàng)	Màng lọc Milipore 0,2 mcm (vàng)	Cái	Cái	Merck	Đức	117,000	120	14,040,000
281	20	Màng lọc Milipore 0,2 mcm (xanh)	Màng lọc Milipore 0,2 mcm (vàng)	Cái	Cái	Merck	Đức	139,000	20	2,780,000
282	21	Pipette 1 ml tiết trùng	Serological pipette 1ml	Hộp 200 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Hàn Quốc	6,000	4,800	28,800,000
283	22	Pipette 10ml tiết trùng	Serological pipette 10ml	Hộp 100 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Hàn Quốc	8,000	4,800	38,400,000
284	23	Pipette 5 ml tiết trùng	Serological pipette 5ml	Hộp 100 cái	Cái	Thermo Fisher (Nunc)	Hàn Quốc	8,000	2,400	19,200,000
285	24	Pipette pasteur 150 mm tiết trùng	Pipette Pasteur 150mm tiết trùng	Hộp 250 cái	Cái	Poulten & Graf	Anh	6,000	26,000	156,000,000
286	25	Pipette pasteur 150mm không tiết trùng	Pipette Pasteur 150mm không tiết trùng	Hộp 250 cái	Cái	Poulten & Graf	Anh	850	44,000	37,400,000
287	30	Tube 14 ml nhựa PS, đáy tròn, có chia vạch, có nắp vặn (tiết trùng)	Tube 14ml - Falcon 352001	500 cái/thùng	Cái	Corning	Mexico	6,820	10,800	73,656,000

288	32	Tube 15 ml nhựa PS đáy nhọn, có chia vạch, nắp vận (tiệt trùng)	Tube 15ml - Falcon 352099	500 cái/ thùng	Cái	Corning	Mexico	5,830	34,600	201,718,000
289	33	Tube 5 ml nhựa PS, đáy tròn, có nắp vận (tiệt trùng)	Tube 5ml - Falcon 352003	500 cái/ thùng	Cái	Corning	Mexico	5,170	14,400	74,448,000

TỔNG CỘNG									27.00	14,710,268,400.00
------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--------------	--------------------------

Lô 14: Vật tư sử dụng theo máy niệu động học, tập phục hồi sàn chậu

290	1	Ống đo áp lực trong bàng quang 6F	Dual Lumen Catheter 6FR, 7FR	01 hộp/10 cái	Cái	Laborie	Canada	368,500	60	22,110,000
291	2	Bóng trực tràng cỡ 9F	Dual Lumen Abdominal Balloon Catheter, 9FR	01 Bao/10 cái	Cái	laborie	Canada	498,520	40	19,940,800
292	3	Dây nối đo áp lực niệu có khóa	Laborie pressure tubing set with stopcock	01 Bao/1 cái	Cái	Laborie	Canada	385,000	70	26,950,000
293	4	Đĩa áp lực	Transducer cartridge with luer lock plug	01 Bao/1 cái	Cái	Laborie	Canada	594,000	80	47,520,000
294	5	Đầu dò âm đạo	Vaginal Probe	01 Bao/01 cái	Cái	Laborie	Canada	770,000	40	30,800,000
295	6	Miếng dán điện cực	Stimulation electrodes	01 Hộp/15 miếng	Cái	Laborie	Canada	380,050	10	3,800,500
296	7	Ống bơm	Laborie pump tubing infusion line	01 Bao/01 cái	Cái	Laborie	Canada	803,000	50	40,150,000

TỔNG CỘNG									7.00	191,271,300.00
------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------	-----------------------

Lô 15: Vật tư sử dụng theo máy hấp

297	2	Bộ bảo dưỡng PM Kit 1 tương thích máy STERRAD 100S	Bộ bảo dưỡng PM Kit 1 dùng cho máy Sterrad 100S	Bộ	Bộ	Johnson & Johnson	Mỹ	17,930,000	6	107,580,000
298	3	Bộ bảo dưỡng PM Kit 2 tương thích máy STERRAD 100S	Bộ bảo dưỡng PM Kit 2 dùng cho máy Sterrad 100S	Bộ	Bộ	Johnson & Johnson	Mỹ	27,665,000	3	82,995,000
299	4	Cassete tương thích máy STERRAD 100S	Băng đựng hóa chất Sterrad 100S Cassettes	Hộp/ 5 băng	Cái	Johnson & Johnson	Thụy sỹ	1,852,305	600	1,111,383,000
300	5	Que test hóa học tương thích máy STERRAD 100S	Que thử hóa học màu đỏ Indicator Strip	Hộp/ 1000 que	Que	Johnson & Johnson	Mỹ	2,038	12,720	25,923,360

301	6	Băng keo hấp	Băng keo chỉ thị nhiệt	48 cuộn/thủ ng	Cuộn	Getinge/ Steritec Products Mfg	Mỹ	89,539	250	22,384,750
302	7	Chỉ thị sinh học máy hấp tiết trùng	Chỉ thị sinh học Cyclesure Indicator có môi trường màu tím	Hộp/ 30 ống	Ống	Johnson & Johnson	Mỹ	105,105	30	3,153,150
303	8	Giấy kiểm tra máy hấp tiết trùng	Bộ sản phẩm kiểm tra máy hấp	100 tờ/gói	Tờ	Getinge/ Steritec Products Mfg	Mỹ	17,480	1,900	33,212,000
304	9	Test kiểm soát hơi nước tiết trùng thâm nhập bên trong gói hấp. Kích thước khoảng: rộng 5/8 inch, dài 8 inch.	Chỉ thị hóa học kiểm tra gói hấp	250 miếng/túi	Miếng	Getinge/ Steritec Products Mfg	Mỹ	1,025	48,500	49,712,500
TỔNG CỘNG								8.00		1,436,343,760.00
Lô 16: Vật tư tương thích máy Karl Storz										
305	1	Bóng đèn Xenon 175w	Bóng đèn XENON 175W, 15V, dùng với nguồn sáng lạnh XENON 175W	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	19,792,500	10	197,925,000
306	2	Bóng đèn Xenon 300w	Bóng đèn XENON 300W, 15V, dùng với nguồn sáng lạnh XENON 300W	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	24,780,000	5	123,900,000
307	3	Dây cắm tấm plate	Dây nối bán điện cực trung tính (Connecting cord) cho máy cắt đốt điện nội soi, dài 300 cm	01 Cái/hộp	Sợi	Karl Storz	Đức	3,034,500	5	15,172,500
308	4	Dây dẫn ánh sáng	Dây cáp quang học, đầu nối thẳng, đường kính 4,8mm, dài 2,5m	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	19,456,500	10	194,565,000
309	5	Dây đốt cao tần đơn cực (dùng với điện cực 1 chân cắm)	Dây đốt cao tần đơn cực dùng với điện cực 2 chân cắm, chiều dài 3m	01 Cái/hộp	Dây	Karl Storz	Đức	2,100,000	5	10,500,000
310	6	Dây đốt cao tần đơn cực (dùng với điện cực 2 chân cắm)	Dây đốt cao tần đơn cực dùng với điện cực 1 chân cắm, chiều dài 3m	01 Cái/hộp	Sợi	Karl Storz	Đức	2,194,500	2	4,389,000
311	7	Kềm giữ kim KOH hàm cong phải, tay cầm gấp góc	K góc-Hàm cong ph 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	29,820,000	30	894,600,000

312	8	Kềm giữ kim KOH hàm cong trái, tay cầm gấp góc	Kềm giữ kim hàm cong trái-C 33cmSử dụng cho phẫu thuật nội soi	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	29,820,000	30	894,600,000
313	9	Ống soi quang học HOPKINS II đường kính 10mm, góc soi 0o, 31cm	Ống nội soi HD, đường kính 10mm, góc soi 0 độ,	1 cái/Hộp	Cái	BBraun - Aesculap	Đức	117,600,000	3	352,800,000
314	10	Ống soi quang học HOPKINS II đường kính 4mm, góc soi 30o, 30cm	Ống soi quang học HOPKINS II cho máy cắt đ ố kính 4mm, dài 30cm-Góc soi nghiêng 30 đ ộ (Enlarged view)-H ộp đi ều đ ược học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống (Fiber optic lihght transmission incorporated)-Bên trong ống soi gồm các thoi lăng kính (Rod lens) xếp nối đuôi. có khoảng không gian giữa các lăng kính , cùng nằm trên một trục thẳng.Nhờ cấu tạo như trên mà ống soi HOPKINS II có thêm những ưu điểm sau : độ sáng hình ảnh tăng lên 2.5 lần, độ sáng hình ảnh đồng đều từ trung tâm đến ngoại vi, giảm tối đa nguy cơ bỏng mô, tăng độ phân gi ải đ ộ sáng hình ảnh	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	129,780,000	3	389,340,000
315	11	Pedal máy đốt nội soi Autocon 400	Bàn đạp 3 nút điều khiển dùng với Máy cắt đốt lưỡng cực Autocon II 400	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	27,400,000	2	54,800,000
316	12	Ron khía Trocar 6mm	Van silicone bên trong, dùng với trocar vòng xoắn cỡ 6mm	05 Cái/bao	Cái	Karl Storz	Đức	221,025	200	44,205,000
317	13	Ron trắng Trocar 6mm	Nắp đậy silicone, dùng với trocar 6mm	05 Cái/bao	Cái	Karl Storz	Đức	121,590	1,000	121,590,000
318	14	Ron trắng Trocar 11mm	Nắp đậy silicone, dùng với trocar 11mm	05 Cái/bao	Cái	Karl Storz	Đức	152,775	100	15,277,500
319	15	Ruột kèm kẹp ruột	Ruột kẹp ruột phẫu tích nội soi đơn cực Dorsey, thẳng, ngàm có khía, khuyết, hoạt động đôi, dài 36cm, đường kính ngoài 5mm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	7,770,000	10	77,700,000

320	16	Ruột kéo phẫu tích cong	Ruột kéo phẫu tích cong, hàm có răng cưa, lưỡi hình muỗng, chiều dài lưỡi 17mm, hàm hoạt động đôi, cỡ 5mm, dài 26cm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	8,830,500	100	883,050,000
321	17	Ruột kẹp đốt lưỡng cực	Ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5 mm, dài 33 cm, sử dụng cho phẫu thuật nội soi	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	6,982,500	250	1,745,625,000
322	18	Tay cầm nhựa có khóa	Tay cầm nhựa có khóa, kích cỡ 5mm, có đầu nối dây đốt điện cao tần đơn cực	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	6,121,500	15	91,822,500
323	19	Tay cầm nhựa không khóa	Tay cầm nhựa không khóa, kích cỡ 5mm, có đầu nối dây đốt điện cao tần đơn cực	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	6,121,500	10	61,215,000
324	20	Van Trocar đa năng	Van trocar đa năng, cỡ 11mm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	6,846,000	10	68,460,000
325	21	Vỏ ngoài dây đốt lưỡng cực nội soi	Vỏ ngoài cách điện, đầu xa bằng ceramic, cỡ 5mm, chiều dài 33cm, có đầu nối khóa LUER để vệ sinh	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	2,992,500	10	29,925,000
326	22	Vỏ ngoài kèm kéo nội soi	Vỏ ngoài cách điện, cỡ 5mm, dài 36cm, dùng với tay cầm có khóa hoặc không khóa, với đầu nối khóa LUER	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	4,620,000	100	462,000,000
327	23	Vỏ ngoài optic soi buồng tử cung 30độ	Vỏ ngoài thăm khám buồng tử cung, đường kính 5.1 mm, với 1 khóa LUER	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	8,347,000	5	41,735,000
328	24	Ruột kẹp Pozzi	Ruột kèm phẫu tích Ovary (loại Pozzi) hàm mở 2 bên, răng cưa, cỡ 5mm, dài 36cm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	7,770,000	15	116,550,000
329	25	Kim nước	Kim nước chọc vào bình chứa dịch (Dùng với dây dẫn dịch bằng silicone)	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	846,300	10	8,463,000
330	26	Lưỡi dao máy bào mô	Lưỡi dao bào mô (Knife), cỡ 12mm(Dùng với tay bào mô ROTOCUT G1)	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	11,235,000	5	56,175,000
331	27	Cây bơm hút dịch	Ống bơm hút dịch, với khóa nước 2 chiều, đầu xa có nhiều lỗ bên, cỡ 5mm, chiều dài 36 cm	01 Cái/hộp	Bộ	Karl Storz	Đức	9,565,500	5	47,827,500
332	28	Ruột kẹp gấp mô	Ruột kẹp phẫu tích răng chuột MANHES, hàm mở 01 bên, bề rộng hàm 4.8mm, cỡ 5mm, chiều dài 36cm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	7,770,000	30	233,100,000

333	29	Optic soi niệu quản	Ống soi niệu quản – bể thận- Đường kính đầu xa 8 Fr- Đường kính ngoài ống soi tăng dần 9.5 Fr – 12 Fr- Đường kính kênh trung tâm : 6.0 Fr, dùng với các dụng cụ có đường kính 5.0 Fr- Góc soi : 6 độ- Chiều dài : 43 cm- Đầu xa tròn, không san chấn (Atraumatic distal sheath with rounded tip)- Thị kính gập góc (Angled eyepiece): tạo khoảng cách an toàn và thoải mái cho phẫu thuật viên trong quá trình sử dụng đầu tán sỏi.- Các linh kiện kèm theo ống soi quang học:• Cổng dụng cụ với 01 kênh• Nắp chặn nước• Đầu nối khóa LUER• Đầu nối khóa LUER, có khóa nước• Khóa nước, chỉnh lưu lượng• Ống	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	199,500,000	1	199,500,000
334	30	Cán kẹp robi	Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, không có khóa dùng với dụng cụ cỡ 5mm, chốt cầm dây cao tần nằm ở phía trên và nghiêng 45 độ	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	13,335,000	10	133,350,000
335	31	Ruột kẹp robi cong ngắn	Ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại RoBi), cỡ 5mm, chiều dài 36cm, kiểu CLERMONT- FERRAND, hàm cong ngắn	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	15,645,000	10	156,450,000
336	32	Ruột kẹp robi cong dài	Ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực KELLY (loại RoBi), cỡ 5mm, chiều dài 36cm, kiểu CLERMONT- FERRAND, hàm cong dài	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	15,645,000	10	156,450,000
337	33	Ruột kéo robi	Ruột kéo phẫu tích lưỡng cực METZENBAUM (loại Robi), cong, cho cắt và đốt lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 26 cm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	34,335,000	5	171,675,000
338	34	Cây đốt mono lớn	Dụng cụ phẫu tích đốt cầm máu đơn cực, đầu hình móc L, cỡ 5mm, chiều dài 36cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	4,725,000	2	9,450,000
339	35	Cây đốt mono kim	Kim đốt điểm buồng trứng MANHES, cỡ 5mm, dài 31 cm	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	10,993,500	2	21,987,000
340	36	Dây đốt đơn cực	Dây đốt cao tần đơn cực, chiều dài 300cm(Dùng với điện cực 1 chân cắm)	01 Cái/hộp	Sợi	Karl Storz	Đức	2,194,500	2	4,389,000

341	37	Cục nối CO2	Ống nối khóa LUER, đường kính 10mm, loại răng trong	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	1,123,500	10	11,235,000
342	38	Van bào mô	Van Motor đường kính 12mm (Dùng với tay bào mô ROTOCUT G1)	01 Cái/hộp	Cái	Karl Storz	Đức	5,670,000	5	28,350,000
343	39	Nắp chụp bào mô 12mm	Nắp chụp bào mô 12mm	10 Cái/bao	Cái	Karl Storz	Đức	649,950	30	19,498,500
TỔNG CỘNG								39.00	8,149,646,500.00	
Lô 17: Vật tư kỹ thuật cao										
344	1	Chỉ khâu hở eo cổ tử cung polyester dài 40-50cm, hai kim tròn 48mm x5mm	Chỉ khâu hở eo cổ tử cung Mersilene Strip bằng Polyester dài 40cm, dây 5mm, 2 kim tròn dài 48mm, 1/2 vòng tròn	Hộp/ 6 sợi	Sợi	Ethicon, LLC	Mỹ	392,175	350	137,261,250
345	2	Chỉ nylon số 0 (polyamide), kim tam giác 40-60mm, chỉ dài ≥100 cm	Chỉ Ethilon không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 0, kim tam giác CP dài 40mm, chỉ dài 100cm, 1/2C	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Ethicon, Inc.	Mexico	85,155	980	83,451,900
346	3	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 0, kim tròn 30-32mm 1/2 C, chỉ dài ≥ 100cm	Chỉ Prolene không tiêu đơn sợi Polypropylen số 0, kim tròn đầu tròn MO-5 dài 31mm, 1/2 C, chỉ dài 100cm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Ethicon, LLC	Mỹ	99,435	300	29,830,500
347	4	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 2/0, hai kim tròn 30-32mm 1/2C, chỉ dài 70-100cm	Chỉ Prolene không tiêu đơn sợi Polypropylen số 2/0, hai kim tròn đầu tròn MH-1 dài 31mm, 1/2C, chỉ dài 90cm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Ethicon, LLC	Mỹ	136,080	120	16,329,600
348	5	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 3/0, hai kim tròn 1/2C 26mm, chỉ dài 90cm	PREMILENE 3/0, 90CM 2XHR26	Hộp/36 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	91,497	120	10,979,640
349	7	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, kim 20mm 1/2C, chỉ dài 75 cm	Chỉ Vicryl tiêu tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 3/0, kim tròn đầu tròn SH-2 plus dài 20mm, 1/2C, chỉ dài 75cm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Johnson & Johnson Medical GmbH	Đức	78,645	240	18,874,800
350	8	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid bao phủ epsilon - caprolactone số 0, kim 40mm 1/2C, chỉ dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Optime 0, kim tròn 40mm, chỉ dài 90cm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Peters Surgical	Pháp	66,150	25,000	1,653,750,000
351	9	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglyconate số 0, kim tròn 37mm 1/2C, chỉ dài 30cm	VLOC* 180 Device 0 GS-21 30cm	Hộp 12 tép	Sợi	Covidien	Mỹ	528,150	720	380,268,000

352	10	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh số 2/0 (thành phần Pglylactin 910, vỏ bao Polyglactin 370 hoặc Pglycolic acid, bao Epsilon caprolactone), kim tròn 36mm 1/2C, chỉ dài 90cm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi tan nhanh Optime R số 2/0 kim tròn đầu cắt 1/2C 36mm, chỉ dài 90cm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Peters Surgical	Pháp	74,319	4,000	297,276,000
353	12	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 0, kim tròn 31mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chỉ Monocryl tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 0, kim tròn đầu tròn MH-1 plus dài 31mm, 1/2C, chỉ dài 70cm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Ethicon, Inc.	Mexico	163,170	3,000	489,510,000
354	13	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 2/0, kim tròn 26mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Advantime 2/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C 26mm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Peters Surgical	Pháp	124,950	100	12,495,000
355	14	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 3/0, kim tròn 17mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chỉ Monocryl tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone số 3/0, kim tròn đầu tròn RB-1 dài 17mm, 1/2C, chỉ dài 70cm	Hộp/ 12 sợi	Sợi	Ethicon, Inc.	Mexico	148,260	200	29,652,000
356	15	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi tan nhanh glyconate số 3/0, kim tròn phủ silicon 26mm 1/2C, chỉ dài 70cm	MONOSYN VIOLET 3/0, 70CM HR26	Hộp/36 sợi	Sợi	B.Braun	Tây Ban Nha	96,999	720	69,839,280
357	16	Chỉ tiêu tổng hợp Polydioxanone 5/0, 2 kim tròn 17mm, dài 90cm	Chỉ PDS tiêu tổng hợp đơn sợi số 5/0, 2 kim tròn đầu tròn RB-1 Plus 17mm, 1/2 vòng tròn, chỉ dài 90cm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Ethicon, Inc.	Mexico	204,014	144	29,378,016
358	17	Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone 6/0, kim tròn 13mm, dài 45cm	Chỉ PDS tiêu tổng hợp đơn sợi số 6/0, kim tròn đầu tròn RB-2 dài 13mm, 1/2 vòng tròn, chỉ dài 45cm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Ethicon, Inc.	Mexico	133,875	144	19,278,000
359	18	Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 3/0, kim tròn 26mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chỉ tiêu tổng hợp Monotime số 3/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 26mm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Peters Surgical	Pháp	102,984	400	41,193,600
360	19	Chỉ tiêu tổng hợp polydioxanone số 4/0, kim tròn 20mm 1/2C, chỉ dài 70cm	Chỉ tiêu tổng hợp Monotime số 4/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 20mm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Peters Surgical	Pháp	109,977	100	10,997,700
361	20	Chỉ tiêu tổng hợp polyglactin 910 số 0, có chất kháng khuẩn triclosan , kim tròn 40mm 1/2C, chỉ dài 90cm	Chỉ Vicryl Plus tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, vỏ bao Polyglactin 370, có chất kháng khuẩn triclosan số 0, kim tròn đầu tròn CT dài 40mm, 1/2C, chỉ dài 90cm	Hộp/ 36 sợi	Sợi	Ethicon, LLC	Mỹ	99,015	32,000	3,168,480,000
362	22	Keo dán da 2 - Octyl Cyanoacrylate	Keo dán da Dermabond ,2 - Octyl Cyanoacrylate, 0.5ml	Hộp/ 12 ống	Ống	Ethicon, LLC	Mỹ	169,050	200	33,810,000
TỔNG CỘNG								19.00	6,532,655,286.00	

Lô 18: Dụng cụ kim loại mờ

363	6	Kềm Heaney có răng, cong dài 19-21cm	Kim kẹp cầm máu Heaney có răng, cong dài 19,5cm	1 cái/túi	Cây	ASANUS	Đức	2,682,750	40	107,310,000
364	8	Kềm Kelly cong, dài 16 cm	Kẹp mạch máu Kelly-Rankin	1 cây/gói	Cây	Gimmi	Đức	525,000	105	55,125,000
365	10	Kềm Kelly thẳng, dài 16 cm	Kẹp mạch máu Kelly-Rankin, đầu thẳng, dài 160mm	1 cây/ gói	Cây	Gimmi	Đức	514,500	5	2,572,500
366	12	Kềm kẹp kim thẳng, dài 20cm	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, có cửa sổ rãnh, dài 200mm	1 cây/gói	Cây	Gimmi	Đức	850,500	1	850,500
367	14	Kéo cắt chỉ đầu cong, mũi kéo đầu tù, dài 20cm	Kéo cắt chỉ Super-Cut, đầu cong, mũi kéo đầu tù, dài 20cm	1 cái/túi	Cây	ASANUS	Đức	7,350,000	52	382,200,000
368	15	Kéo Mayo cong, dài 17 cm	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, mũi tù, dài 170mm	1 cây/gói	Cây	Gimmi	Đức	598,500	120	71,820,000
369	16	Kéo Mayo cong, dài 23cm	Kéo phẫu thuật Mayo, lưỡi cong, tù, dài 23cm	1 cái/túi	Cây	ASANUS	Đức	953,400	2	1,906,800
370	19	Kẹp gấp chỉ Overholt, mũi đầu bầu nhỏ, dài 20-23cm	Kẹp phẫu tích và gấp chỉ Overholt-Geissendoerfer, cong, dài 210mm	1 cái/ gói	Cây	BBraun - Aesculap	Ba Lan	1,788,150	15	26,822,250
371	20	Kẹp sản khoa Simpson dài 35-36cm	Kẹp sản khoa Simpson Braun, dài 35cm	1 cái/túi	Cây	ASANUS	Đức	15,330,000	10	153,300,000
372	21	Mỏ vít khoét chớp điện + ống khói, d(95x35)mm	Banh âm đạo Trelat, 2 lưỡi, a 95mm và b 35mm	1 cái/gói	Cái	Gimmi	Đức	10,500,000	5	52,500,000
373	22	Nhíp thẳng, đầu tròn, bóc hạch, dài 20-23cm	Nhíp phẫu tích Tuttle, đầu tròn, thẳng, dài 230mm	1 cái/ gói	Cây	BBraun - Aesculap	Malaysia	1,991,850	20	39,837,000
TỔNG CỘNG								11.00		894,244,050.00

Lô 19: Dụng cụ kim loại bóng

374	1	Kềm hình tim gấp thai, dài 25-30cm	Kẹp tim không răng 25cm	Gói / cái	Cây	Appliance	Pakistan	68,250	3	204,750
375	2	Kềm hình tim thẳng, đầu nhỏ, có răng, dài 23-25 cm	Pen tim có răng 25cm đầu nhỏ	Gói / cái	Cây	Appliance	Pakistan	68,250	50	3,412,500
376	5	Kềm kelly thẳng, không mấu, dài 23-25cm	Kềm kelly thẳng , không mấu , dài 26cm	Gói/ cái	Cây	Appliance	Pakistan	46,200	60	2,772,000
377	9	Kéo thẳng, đầu tù, dài 17-18cm	Kéo thẳng , đầu tù dài 18cm	Gói / cái	Cây	Appliance	Pakistan	26,775	22	589,050
378	10	Mô vệt inox cỡ trung	Mô vệt inox cỡ trung	Gói / cái	Cái	Appliance	Pakistan	63,000	930	58,590,000
379	14	Vales đặt âm đạo 1 đầu	Vales đặt âm đạo 1 đầu inox	Gói / cái	Cái	Meinfa	Việt Nam	210,000	40	8,400,000
TỔNG CỘNG									6.00	73,968,300.00

Lô 20: Dụng cụ khác										
380	1	Hộp hấp dụng cụ phẫu thuật b ằng hợp kim. Kích thước khoảng 470x274x90 mm	Thùng hấp dụng cụ 3/4, kích thước 470x275x90 mm bao gồm:- 1 đáy thùng hấp tiết trùng- 1 nắp đáy bằng hộp kim nhôm, có nhiều màu sắc lựa chọn- 2 khóa tự động dùng nhiều lần(hơn 5000 lần)- 1 màng lọc Teflon dùng nhiều lần(hơn	1 bộ/ hộp	Cái	Aygun	Thổ nhĩ kỳ	12,075,000	28	338,100,000

TỔNG CỘNG									1.00	338,100,000.00
------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------	-----------------------

Lô 21: Khí y tế										
381	1	Khí CO2 được dụng	CO2	KG	Kg	SOVIGAZ	VIỆT NAM	11,550	9,000	103,950,000
382	2	Khí Oxy (2m3/chai)	Oxy nhỏ	2m3/CH AI	Chai	SOVIGAZ	VIỆT NAM	33,000	400	13,200,000
383	3	Khí Oxy (6m3/chai)	Oxy lớn	6m3/CH AI	Chai	SOVIGAZ	VIỆT NAM	55,000	400	22,000,000

384	4	Khí Oxy lỏng	Oxy lỏng	Kg	Kg	SOVIGAZ	VIỆT NAM	4,697	500,000	2,348,500,000
385	5	Nitơ chai 99,99% (6m3/chai)	Nitơ khí	6m3/CH AI	Chai	SOVIGAZ	VIỆT NAM	132,000	300	39,600,000
386	6	Nitơ lỏng	Nitơ lỏng	Kg	Kg	SOVIGAZ	VIỆT NAM	8,800	12,000	105,600,000
387	7	Khí NO	khí NO	chai	Chai	CHARSLTO NE SINGAPORE . PTE .LTD	SINGAPORE	27,500,000	140	3,850,000,000
TỔNG CỘNG									7.00	6,482,850,000.00
TỔNG CỘNG									387.00	119,936,918,546.00

Ngày Tháng Năm

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)